

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020
của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp thành Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại và kiện toàn tổ chức;

Căn cứ Thông báo số 1682/TB-STC ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Sở Tài chính Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Phòng Kế toán – Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế toán – Hành chính – Tổng hợp và các phòng liên quan thuộc của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: VBĐT

- Như Điều 3 ;
- Sở Tài chính;
- Website Trung tâm;
- Lưu: VT, KTT(H).



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Phương Trang

Biểu số 4-Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 28/9/2021 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại
Chương: 416

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 323 /QĐ- TTKC&XTTM ngày 19 /11 /2021
của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại)

Đvt: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
A.	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu sự nghiệp	2.551.740	2.660.584	108.845	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp	1.542.613	1.542.613		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thuế TNDN	204.643	226.412	21.769	
B.	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.009.221	4.008.221	(1.000)	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.009.221	4.008.221	(1.000)	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp kinh tế	4.009.221	4.008.221	-1.000	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.671.815	1.671.815		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.337.405	2.336.405	-1.000	